BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 59/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2016*

THÔNG TƯ
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cảng vụ đường thủy nội địa, các cảng vụ hàng hải được giao hoặc ủy quyền quản lý cảng, bến thủy nội địa; các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thu, nộp, quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng chịu phí, lệ phí và cơ quan thu phí, lệ phí

1. Các phương tiện thủy nội địa, tàu biển (sau đây gọi là phương tiện) ra, vào hoạt động tại các cảng, bến thủy nội địa (kể cả cảng, bến chuyên dùng) đã được cơ quan nhà nước công bố cấp phép hoạt động phải chịu phí, lệ phí áp dụng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

Trường hợp điều ước quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa khác với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

2. Cơ quan thu phí, lệ phí là các cảng vụ đường thủy nội địa (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền); các cảng vụ hàng hải (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền) và cơ quan được ủy quyền khác (nếu có) thực hiện nhiệm vụ quản lý cảng, bến thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các trường hợp không chịu phí, lệ phí

Những trường hợp sau đây không phải chịu phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa:

1. Phương tiện thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan Hải quan đang làm nhiệm vụ (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của các cơ quan thanh tra giao thông, Cảng vụ đường thủy nội địa.

2. Phương tiện tránh bão, cấp cứu.

3. Phương tiện vận chuyển hàng hóa có trọng tải toàn phần dưới 10 tấn hoặc chở khách dưới 13 ghế.

4. Phương tiện vận chuyển phòng chống lụt bão.

Điều 4. Mức thu

Mức thu phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa quy định như sau:

1. Mức thu

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu
1	Phí trọng tải	
a)	Lượt vào (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
b)	Lượt ra (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
2	Lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa	
a)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	5.000 đồng/chuyến
b)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 200 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 13 ghế đến 50 ghế	10.000 đồng/chuyến
c)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 200 tấn đến 500 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 51ghế đến 100 ghế	20.000 đồng/chuyến

TT	Nội dung các khoản thu	Mức thu
d)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc chở khách từ 101 ghế trở lên.	30.000 đồng/chuyến
đ)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.000 tấn đến 1.500 tấn.	40.000 đồng/chuyến
e)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 1.500 tấn.	50.000 đồng/chuyến

2. Đối với tàu biển vào, ra cảng bến thủy nội địa phải chịu phí, lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính ban hành mức thu phí, lệ phí hàng hải; đồng thời không chịu các khoản phí, lệ phí nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp trong cùng một chuyến đi, phương tiện vào, ra nhiều cảng bến thủy nội địa thuộc cùng một đại diện Cảng vụ quản lý thì chỉ phải chịu một lần phí, lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Phương tiện vào, ra cảng không nhằm mục đích bốc dỡ hàng hóa, không nhận trả khách áp dụng mức thu phí trọng tải bằng 70% (bảy mươi phần trăm) mức thu phí trọng tải quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Đối với các phương tiện không phải là phương tiện chở hàng hóa được quy đổi khi tính phí trọng tải như sau:

a) Phương tiện chuyên dùng: 01 mã lực tương đương với 01 tấn trọng tải toàn phần;

b) Phương tiện chở khách: 01 giường nằm tương đương với 06 ghế hành khách hoặc tương đương với 6 tấn trọng tải toàn phần; 01 ghế hành khách tương đương với 01 tấn trọng tải toàn phần.

6. Phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến đường thủy nội địa thu bằng đồng Việt Nam. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài nộp phí, lệ phí bằng ngoại tệ thì thu bằng đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi cơ quan thu phí, lệ phí mở tài khoản tại ngày phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ.

Điều 5. Quản lý, sử dụng

1. Cơ quan thu phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa có trách nhiệm đăng ký, kê khai nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

2. Phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan thu lệ phí có trách nhiệm nộp 100% (một trăm phần trăm) tổng số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Các cảng vụ đường thủy nội địa (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền) quản lý cảng, bến thủy nội địa được để lại 100% (một trăm phần trăm) tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động của cơ quan thu phí theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Các cảng vụ hàng hải (bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền) quản lý cảng, bến thủy nội địa được để lại 50% (năm mươi phần trăm) số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động của cơ quan thu phí theo quy định tại khoản 5 Điều này. Các cảng vụ hàng hải có trách nhiệm nộp 50% (năm mươi phần trăm) số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Các cơ quan khác (nếu có) được ủy quyền quản lý cảng, bến thủy nội địa để lại 100% (một trăm phần trăm) tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động của cơ quan thu phí theo quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Nội dung chi

a) Chi thường xuyên

- Chi trả các khoản tiền lương hoặc tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công, theo chế độ hiện hành.

- Chi phí trực tiếp: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công tác phí, công vụ phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

- Chi bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị.

- Chi đặc thù: Chi bảo hộ lao động hoặc đồng phục theo chế độ quy định; chi mua biên lai, ấn chỉ phục vụ công tác thu phí, lệ phí; chi mua nhiên liệu phục vụ hoạt động nghiệp vụ của cảng vụ; chi hoạt động đặc thù khác.

- Chi ăn giữa ca theo quy định của pháp luật.

- Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật;

b) Chi không thường xuyên

- Chi thuê trụ sở đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa, tổ cảng vụ đường thủy nội địa (nếu có).

- Chi cho công tác tìm kiếm cứu nạn người, hàng hóa, phương tiện, tàu biển bị tai nạn; chi xử lý công việc có liên quan đến phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa.

- Chi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

- Chi mua sắm, sửa chữa lớn phương tiện, thiết bị, trụ sở làm việc;

c) Chi cho việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa nhằm bảo đảm việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo phương án tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền giao.

6. Trường hợp nguồn thu phí được để lại sử dụng không đủ chi cho cơ quan quản lý cảng, bến thủy nội địa thì được ngân sách nhà nước cấp bổ sung từ nguồn sự nghiệp kinh tế đường thủy nội địa.

7. Đối với cảng vụ đường thủy nội địa được giao quản lý cảng, bến thủy nội địa có số thu phí cao hơn dự toán được giao, cơ quan thu phí được sử dụng số tiền phí được để lại để chi khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trong đơn vị thực hiện cung cấp, dịch vụ thu phí, tổng mức trích lập 2 quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, bình quân một năm, một người tối đa không quá 2 tháng lương. Bổ sung chi cho hoạt động thường xuyên và không thường xuyên của đơn vị, số còn lại không sử dụng hết được chuyển sang năm sau để bố trí chi hoạt động của đơn vị sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính cùng cấp.

8. Đối với cảng vụ đường thủy nội địa, cảng vụ hàng hải và cơ quan khác (nếu có) được ủy quyền quản lý cảng, bến thủy nội địa có số thu phí cao hơn dự toán chi được phê duyệt thì số chênh lệch giữa số thu và dự toán chi được phê duyệt phải nộp ngân sách nhà nước.

9. Đối với cảng vụ hàng hải được giao quản lý các cảng, bến thủy nội địa thì số phí thu được được để lại 50% và tổng hợp vào trong tổng số phí cảng vụ hàng hải được để lại sử dụng. Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện điều hòa kinh phí để lại giữa các đơn vị cảng vụ hàng hải theo quy định.

10. Hàng năm, cơ quan thu phí, lệ phí thực hiện quyết toán việc sử dụng biên lai thu phí, lệ phí; số tiền phí, lệ phí thu được; số tiền phí để lại cho đơn vị; số tiền phí, lệ phí phải nộp ngân sách; số tiền phí, lệ phí đã nộp và còn phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế. Quyết toán việc sử dụng số tiền được trích để lại với cơ quan tài chính cùng cấp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2016; thay thế Thông tư số 177/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại Cảng vụ đường thủy nội địa.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí, lệ phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực

hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ảnh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai